



**BARIA VUNGTAU
UNIVERSITY**
CÁP SAINT JACQUES

TẠP CHÍ KHOA HỌC TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

website: www.bvu.edu.vn

ISSN 2734 - 9802
No. 03 - 07/2022

**SCIENTIFIC JOURNAL OF
BARIA VUNGTAU UNIVERSITY**

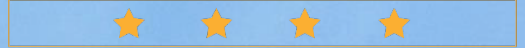
**BARIA VUNGTAU
UNIVERSITY**
CÁP SAINT JACQUES



BARIA VUNGTAU
UNIVERSITY
CAP SAINT JACQUES



STARSTM
RATING SYSTEM





Tòa soạn: 80 Trương Công Định, phường 3,
Tp.Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu
ĐT: 0254.7305456 – 3040
Fax: 0254.353.2233
Email: bvujournal@bvu.edu.vn

TẠP CHÍ XUẤT BẢN
BỐN THÁNG MỘT LẦN

SỐ 04
05/2024

PHỤ TRÁCH

TS MAI XUÂN THIỆU

BAN BIÊN TẬP

PGS.TS.LS NGUYỄN THỊ HOÀI PHƯƠNG

GS.TS HOÀNG VĂN CHÂU

GS.TS TRẦN NGỌC THÊM

PGS.TS TRƯƠNG VĂN CHUNG

TS NGUYỄN THỊ ĐỨC LOAN

TS LÊ THỊ VĨNH THANH

TS PHẠM HẢI LONG

Giấy phép xuất bản:

Số 436/GP-BTTTT

ngày 13/07/2021

ISSN 2734 - 9802

MỤC LỤC

Nghiêm Phúc Hiếu, Võ Thị Như Hảo, Lê Kim Ngân, Phạm Tú Anh, Phạm Phương Linh - Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định mua xe máy điện của sinh viên Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu.....	1
Nguyễn Thị Ánh Hoa - Thẩm định giá bất động sản theo phương pháp so sánh tại Việt Nam.....	11
Đỗ Thị Bích Hồng - Các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động dịch vụ ngân hàng bán lẻ của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam..	21
Hồ Thị Yến Ly, Đỗ Thị Bích Hồng - Kết quả thực hiện chính sách tín dụng sinh viên của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam.....	30
Nguyễn Văn Rõ - Quy định pháp luật về ưu đãi tài chính đối với chủ đầu tư xây dựng nhà ở xã hội tại Việt Nam, thực trạng và hướng hoàn thiện.....	39
Hoàng Văn Tú1, Phạm Thị Thùy Linh, Nguyễn Văn Quang - Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, những thách thức mới và khuyến nghị (trong giai đoạn tới 2030, tầm nhìn đến 2045)	48
Lưu Hoàng Điều khiển động cơ không đồng bộ dùng mô hình nội và mạng hồi quy.....	57
Nguyễn Thị Nga Đặc trưng ẩm thực theo mùa ở Hàn Quốc thông qua tục ngữ 한국 속담을 통해 계절 음식에 대한 특징	68

CONTENTS

- Nghiem Phuc Hieu, Vo Thi Nhu Hao, Le Kim Ngan, Pham Tu Anh, Pham Phuong Linh** - Factors affecting the intention to buy electric motorbikes of students at Ba Ria - Vung Tau University1
- Nguyen Thi Anh Hoa** - Real estate valuation according to comparison method in Vietnam 11
- Do Thi Bich Hong** - Solutions to improve the efficiency of retail banking services of commercial banks in Vietnam21
- Ho Thi Yen Ly, Do Thi Bich Hong** - Results of implementation of student credit policy of Vietnam Bank for Social Policies 30
- Nguyen Van Ro** - Legal regulations on financial incentives for investors building social housing in Vietnam, current situation and direction for improvement 39
- Hoang Van Tu, Pham Thi Thuy Linh, Nguyen Van Quang** - Socialist-oriented market economy in Vietnam, new challenges and recommendations (in the period up to 2030, vision to 2045)48
- Luu Hoang** - Control of Asynchronous Motor Using Internal Model and Recurrent Neural Network57
- Nguyen Thi Nga** - Seasonal Culinary Features in Korea through Proverbs.....68



SCIENTIFIC JOURNAL OF
BARIA VUNGTAU UNIVERSITY

*Scientific Journal of
Baria VungTau University*

Head Office: 80 Truong Cong Dinh street,
Ward 3, Vungtau city,
Baria Vungtau province
Tel: 0254.7305456 – 3040
Fax: 0254.353.2233
Email: bvujournal@bvu.edu.vn

THIS JOURNAL IS ISSUED
EVERY FOUR MONTHS

No. 04
05/2024

EDITOR-IN-CHEF

Dr MAI XUAN THIEU

EDITORIAL BOARD

Assoc Prof. Dr NGUYEN THI HOAI PHUONG

Prof. Dr HOANG VAN CHAU

Prof. Dr TRAN NGOC THEM

Assoc Prof. Dr TRUONG VAN CHUNG

Dr. NGUYEN THI DUC LOAN

Dr. LE THI VINH THANH

Dr. PHAM HAI LONG

Press Licence:

No. 436/GP-BTTTT

dated 13/07/2021

ISSN 2734 - 9802

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, những thách thức mới và khuyến nghị (trong giai đoạn tới 2030, tầm nhìn đến 2045)

Socialist-oriented market economy in Vietnam, new challenges and recommendations (in the period up to 2030, vision to 2045)

Hoàng Văn Tú^{1*}, Phạm Thị Thùy Linh², Nguyễn Văn Quang³

^{1*}Học viện Cán bộ Thành phố. Hồ Chí Minh

²Học viện Chính trị khu vực II

³Viện Chiến lược phát triển

*Email của tác giả liên hệ: [h.vt@hcmca.edu.vn]

THÔNG TIN

TÓM TẮT

Ngày nhận: 12/9/2023

Ngày nhận lại: 27/11/2023

Duyệt đăng: 7/5/2024

Từ khóa:

Kinh tế thị trường, phát triển kinh tế, kinh tế Việt Nam.

Keywords:

Market economy, economic development, vietnam's economy.

Trải qua gần 40 năm đổi mới, từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp, nền kinh tế Việt Nam đã từng bước chuyển sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Việt Nam vẫn đang trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường. Mô hình nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đang tiếp tục được hoàn thiện theo từng giai đoạn phát triển của nền kinh tế. Bài viết tập trung phân tích một số điểm nhấn trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường ở Việt Nam từ đổi mới đến nay, những thách thức chủ yếu trong quá trình hoàn thiện nền kinh tế thị trường từ đó đưa ra một số khuyến nghị để tiếp tục hoàn thiện nền kinh tế thị trường nước ta đến 2030, tầm nhìn 2045.

ABSTRACT

After 40 years of renovation, from a centrally planned, bureaucratic, and subsidized economy, Vietnam's economy has gradually shifted to a socialist-oriented market economy and accomplished many important achievements. From one of the least developed and poorest countries in the world, Vietnam has become a developing country and joined the group of low-middle-income countries since 2008. From a closed economy, Vietnam has become one of the most open economies in the world. Vietnam's position has been recognized and affirmed in almost all fields in the international arena. However, Vietnam is still in the process of transitioning to a market economy so far. The socialist-oriented market economy model continues to be enhanced according to each stage of economic development. The article focuses on analyzing some highlights in the transition to a market economy in Vietnam from Doi Moi to the present, and the main challenges in the process of enhance the market economy, thereby making recommendations to continue to improve our country's market economy to 2030, with a vision to 2045.

1. Giới thiệu

Một trong những nền tảng quan trọng nhất cho quá trình chuyển đổi nền kinh tế ở Việt Nam chính là đổi mới tư duy, cách nhìn nhận về kinh tế thị trường qua từng giai đoạn phát triển. Trên thực tế, nhiều yếu tố nền tảng của kinh tế thị trường đã hình thành nhưng chậm cải thiện hoặc còn nhiều vấn đề đặt ra cản trở quá trình chuyển đổi. Nhà nước còn tham gia và thực hiện nhiều chức năng mà thị trường có thể thực hiện hiệu quả hơn, trong khi lại chưa hoàn thành hoặc chưa đảm bảo chất lượng trong thực hiện một số chức năng quan trọng (như xây dựng và thực thi pháp luật, hỗ trợ phát triển,...). Nhiều quy định trong hệ thống pháp luật, chính sách, quản lý, điều hành chưa tuân thủ đầy đủ các quy luật của kinh tế thị trường, nhất là trong phân bổ nguồn lực, quản lý giá hàng hóa, dịch vụ công thiết yếu, đảm bảo cạnh tranh bình đẳng, v.v. Quản lý nhà nước chưa đáp ứng kịp yêu cầu phát triển của kinh tế thị trường và quá trình hội nhập quốc tế. Các loại thị trường vận hành còn nhiều vướng mắc, hiệu quả chưa cao. Trong nhiều trường hợp, vai trò, chức năng của thị trường chưa được tôn trọng; rào cản cho phát triển khu vực kinh tế tư nhân còn khá nhiều; cạnh tranh thị trường còn hạn chế, chưa khơi dậy được tính năng động, sáng tạo của các chủ thể thị trường, v.v. Những hạn chế này đang cản trở quá trình chuyển đổi nền kinh tế Việt Nam sang nền kinh tế thị trường vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế, nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập như Đại hội XII (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2017), Đại hội XIII (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021) của Đảng đã đề ra; đồng thời hạn chế việc mở rộng và phát triển các loại thị trường và làm cho thị trường chưa phát huy đầy đủ các chức năng vốn có trong nền kinh tế, làm trầm trọng thêm các thất bại của thị trường. Vì vậy, Những thách thức trong quá trình hoàn thiện nền kinh tế thị trường trong giai đoạn hiện nay đặt ra nhiều vấn đề cần giải quyết và là nhiệm vụ quan trọng và cấp bách để tiếp tục hoàn thiện nền kinh tế thị trường một cách đầy đủ nhất.

2. Cơ sở lý thuyết

Nghiên cứu các mô hình kinh tế thị trường từ góc độ lý thuyết (theo các trường phái, học thuyết của các nhà kinh tế học) đến góc độ thực tiễn (qua các mô hình nền kinh tế thị trường tự do, nền kinh tế thị trường xã hội, v.v.) cho thấy nền kinh tế thị trường đã trở nên phổ biến trên toàn thế giới và ở đó, sở hữu tư nhân, cơ chế thị trường và cạnh tranh hiệu quả là những nguyên tắc cơ bản. Sở hữu tư nhân là chủ yếu trong nền kinh tế đa sở hữu; cạnh tranh hiệu quả, cơ chế thị trường là phương thức phân bổ nguồn lực hiệu quả nhất. Các mô hình kinh tế thị trường phổ quát hiện nay đều cho thấy vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế ở các mức độ khác nhau nhưng không thể thiếu. Một nền kinh tế thị trường muốn phát triển phải có một nhà nước đủ mạnh. Đó là một nhà nước pháp trị để đảm bảo và thực thi công lý bình đẳng cho mọi người trong xã hội; thúc đẩy người dân thực thi và hành động theo pháp luật; Nhà nước phải tạo môi trường cho người dân có thể theo đuổi mục đích làm giàu chính đáng, hợp pháp; xây dựng các luật chơi hiệu quả cho thị trường vận hành; xây dựng các định chế ngăn ngừa các nguy cơ gây bất ổn cho nền kinh tế và xã hội,...

3. Phương pháp nghiên cứu

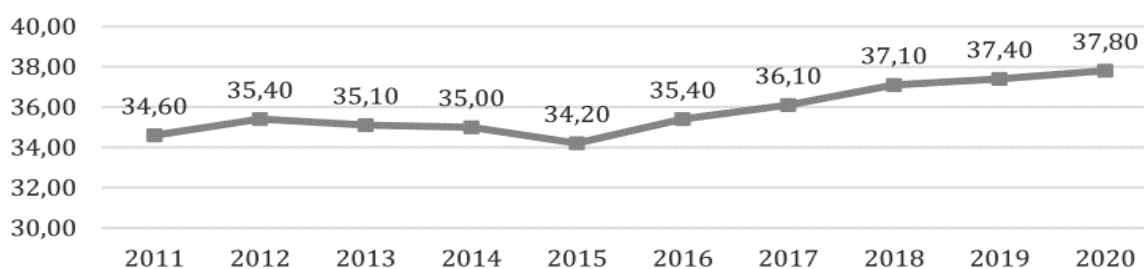
Bài viết sử dụng phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp, sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu về hoàn thiện nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam. Phương pháp này cũng được sử dụng để phân tích những thách thức của Việt Nam trong giai đoạn mới có ảnh hưởng đến chiến lược phát triển kinh tế - xã hội; dữ liệu thứ cấp được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau, trong đó chủ yếu bao gồm các nguồn sau: Sách và các tư liệu quốc tế; các bài báo, tạp chí như: Quản lý Kinh tế (Viện Kinh tế quản lý Trung ương), Tạp chí Kinh tế và Dự báo (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)... Ngoài ra bài viết còn sử dụng phương pháp phân tích tổng hợp, phân tích kinh tế tổng hợp và thống kê các số liệu về kinh tế từ niên giám thống kê của Tổng Cục thống kê.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Một số điểm nhấn quan trọng trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường ở Việt Nam

4.1.1 Về hiệu lực hiệu quả quản lý nhà nước

Với những điều chỉnh về vai trò, chức năng của Nhà nước, bộ máy tổ chức nhà nước, hệ thống pháp luật kinh tế, chất lượng điều hành nền kinh tế đã cải thiện theo thời gian. Theo Báo cáo Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng cán bộ công chức giải quyết công việc hiệu quả đã tăng đáng kể, từ 67% năm 2015 lên 84% năm 2020. Báo cáo PCI năm 2020 cho thấy có đến 95% doanh nghiệp cho rằng nhận được phản hồi của cơ quan nhà nước địa phương sau khi phản ánh khó khăn, vướng mắc và 80% doanh nghiệp hài lòng với phản hồi/cách giải quyết của cơ quan nhà nước địa phương.



Nguồn: CECODES, VFF-CRT, RTA, & UNDP (2020)

Hình 01: Điểm chỉ số PAPI gốc (thang điểm 10-60)

Tuy nhiên, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước cải thiện nhưng không đáng kể. Theo Dữ liệu Chỉ số quản trị thế giới (WGI) của Ngân hàng Thế giới giai đoạn 2011-2020 cho thấy, chỉ số hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cấp chính quyền của Việt Nam chỉ đạt ở mức trung bình, còn có khoảng cách khá xa so với chuẩn mực tốt nhất. Năm 2020, hiệu quả hoạt động của các cấp chính quyền ở Việt Nam đứng thứ 6 trong ASEAN và đứng thứ 81/209 nước, vùng lãnh thổ có dữ liệu về chỉ số hiệu quả hoạt động của chính quyền.

4.1.2 Phát triển các thành phần, khu vực kinh tế

Về khu vực kinh tế nhà nước, doanh nghiệp nhà nước: Trong tổng thể quá trình cải cách doanh nghiệp nhà nước Việt Nam, cổ phần hoá là biện pháp cải cách quan trọng nhất. Cổ phần hóa góp phần làm tăng hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Khá nhiều doanh nghiệp đạt tăng trưởng tỷ suất lợi nhuận ngay năm đầu tiên sau cổ phần hóa. Với việc thực hiện nhiều biện pháp cải cách khác nhau, số lượng doanh nghiệp nhà nước đã giảm mạnh. Đầu những năm 1990, cả nước có đến hơn 12.000 doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn nhà nước. Đến hết năm 2020, cả nước còn 809 doanh nghiệp có vốn nhà nước, trong đó có 459 doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, 187 doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ (Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Ngân hàng Thế giới, 2016, 2021). Tuy nhiên, cải cách doanh nghiệp nhà nước còn khá nhiều hạn chế. Cải cách doanh nghiệp nhà nước, đặc biệt là cổ phần hóa, thoái vốn không đạt mục tiêu kế hoạch đề ra. doanh nghiệp nhà nước vẫn được duy trì ở nhiều ngành, lĩnh vực không cần duy trì sở hữu nhà nước.

Về phát triển khu vực kinh tế tư nhân: Sự phát triển sở hữu tư nhân, thành phần kinh tế tư nhân và các loại hình doanh nghiệp tư nhân là một trong những kết quả nổi bật của quá trình chuyển đổi nền kinh tế Việt Nam. Với những thay đổi về hệ thống pháp kinh tế, đảm bảo quyền tự do kinh doanh của người dân, doanh nghiệp, thu hẹp ngành, lĩnh vực hoạt động

của khu vực doanh nghiệp nhà nước, cải thiện môi trường kinh doanh đã thúc đẩy kinh tế tư nhân phát triển mạnh cả về số lượng và chất lượng.

Bảng 01

Tăng trưởng quy mô doanh nghiệp trong giai đoạn 2016-2019 so với giai đoạn 2011-2015

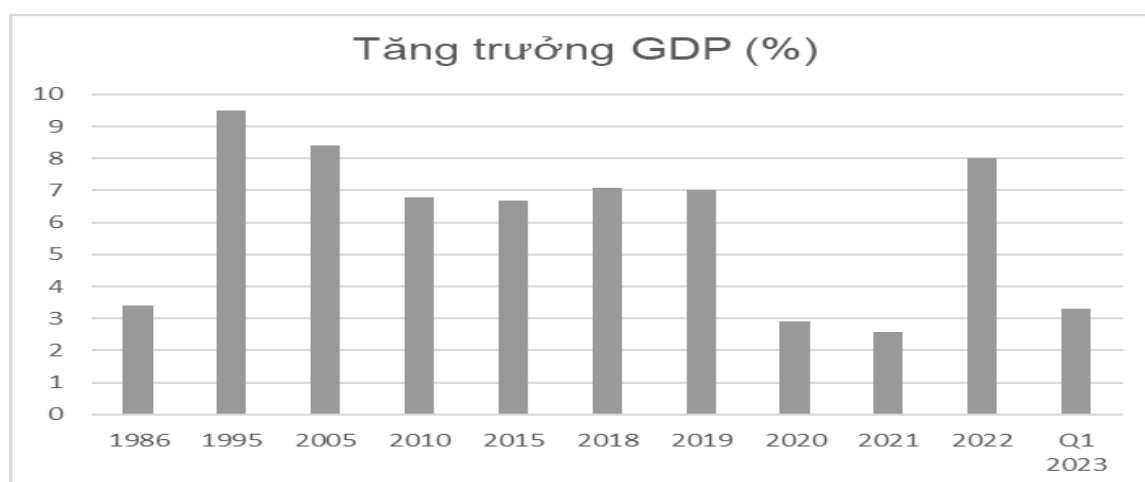
Số doanh nghiệp đang hoạt động	155,1%	Lao động	125,6%
Doanh nghiệp nhà nước	76,5%	Doanh nghiệp nhà nước	79,0%
Doanh nghiệp tư nhân	155,6%	Doanh nghiệp tư nhân	125,9%
Doanh nghiệp FDI	160,7%	Doanh nghiệp FDI	147,6%
Nguồn vốn	190,3%	Trang bị vốn/lao động	151,4%
Doanh nghiệp nhà nước	151,0%	Doanh nghiệp nhà nước	196,7%
Doanh nghiệp tư nhân	216,7%	Doanh nghiệp tư nhân	170,2%
Doanh nghiệp FDI	188,1%	Doanh nghiệp FDI	125,7%
Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	182,4%	Trang bị tài sản cố định/lao động	142,9%
Doanh nghiệp nhà nước	123,0%	Doanh nghiệp nhà nước	184,7%
Doanh nghiệp tư nhân	240,4%	Doanh nghiệp tư nhân	148,9%
Doanh nghiệp FDI	191,5%	Doanh nghiệp FDI	140,1%
Doanh thu thuần	120%	Lợi nhuận trước thuế	121%
Doanh nghiệp nhà nước	18,6%	Doanh nghiệp nhà nước	152%
Doanh nghiệp tư nhân	130%	Doanh nghiệp tư nhân	197%
Doanh nghiệp FDI	137%	Doanh nghiệp FDI	125%

ĐVT: %

Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2021b)

4.1.3 Quy mô và chất lượng tăng trưởng kinh tế

Với những điều chỉnh về cơ chế quản lý kinh tế, tạo điều kiện giải phóng sức sản xuất của các thành phần kinh tế, tốc độ tăng trưởng kinh tế đã cải thiện đáng kể, đặc biệt trong những năm giữa thập kỷ 90 của thế kỷ XX. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân năm đã tăng từ 4,54% giai đoạn 1986-1990 lên 7,56% giai đoạn 1991-2000; 6,81% giai đoạn 2001-2010 và 5,95% giai đoạn 2011-2020. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng kinh tế không ổn định và có xu hướng giảm. Đặc biệt trong hai năm 2020 và 2021, do tác động nghiêm trọng của đại dịch Covid-19, tốc độ tăng trưởng năm 2020 chỉ đạt 2,91% và năm 2021 đạt 2,58%, năm 2022 là 8,02% (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2021).

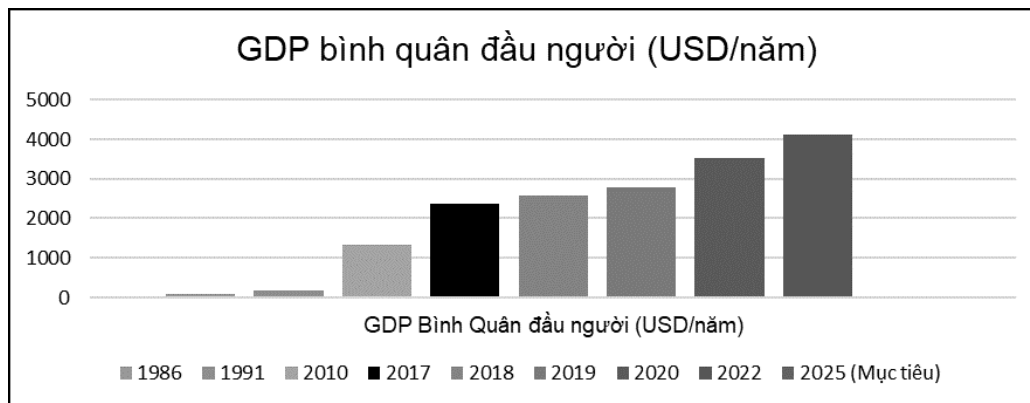


Nguồn: Tổng hợp từ Niên giám thống kê - Tổng cục Thống kê (GSO)

Hình 02: Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam giai đoạn 1986-2023

4.1.4 Về quy mô kinh tế

Quy mô nền kinh tế đã tăng mạnh. Từ năm 1990 đến nay, quy mô GDP (theo giá thực tế) đã tăng từ 6,472 tỷ USD (năm 1990), năm 2022, quy mô nền kinh tế Việt Nam ước đạt hơn 9,5 triệu tỷ đồng, tương đương khoảng 409 tỷ USD. Quy mô nền kinh tế Việt Nam đã tăng hơn 10 lần so với năm 2000. Với quy mô GDP như vậy, GDP bình quân đầu người năm 2022 theo giá hiện hành ước đạt 95,6 triệu đồng/người, tương đương 4.110 USD. Như vậy, GDP bình quân đầu người ở nước ta đã tăng gấp nhiều lần sau 35 năm, nâng bậc vị thế của Việt Nam trong khu vực cũng như thương mại và đầu tư toàn cầu.

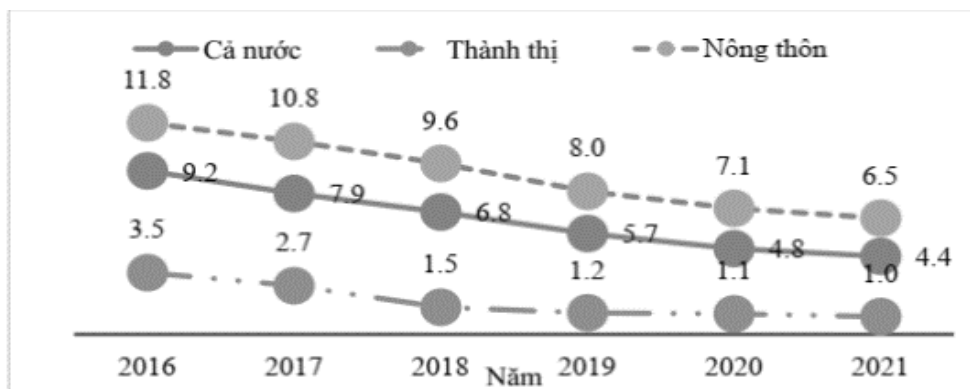


Nguồn: Tổng hợp từ Niên giám thống kê - GSO

Hình 03: GDP bình quân đầu người giai đoạn 1986-2022

4.1.5 Xóa đói, giảm nghèo, giải quyết các vấn đề xã hội

Qua gần 40 năm đổi mới, với chủ trương nhất quán về chính sách giảm nghèo bền vững đi đôi với khuyến khích làm giàu hợp pháp. Việt Nam được đánh giá là một nước thành công trong công cuộc xóa đói giảm nghèo. Việt Nam từ một trong những quốc gia nghèo nhất thế giới trở thành quốc gia thu nhập trung bình thấp. Đời sống của người dân được cải thiện đáng kể. Tỷ lệ hộ nghèo trung bình mỗi năm giảm khoảng 1,5%, từ 58% năm 1993 xuống còn 5,8% năm 2016 theo chuẩn nghèo của Chính phủ và dưới 3% năm 2020 theo chuẩn nghèo đa chiều (tiêu chí cao hơn trước). Tỷ lệ hộ nghèo tiếp cận đa chiều năm 2021 là 4,4%, giảm 0,4 điểm phần trăm so với năm 2020, Trung du và miền núi phía Bắc là vùng có tỷ lệ hộ nghèo cao nhất cả nước (13,4%). Tỷ lệ hộ nghèo đã giảm liên tục trong giai đoạn 2016-2021, trung bình mỗi năm giảm khoảng 1 điểm phần trăm.



Nguồn: Tính toán từ dữ liệu Khảo sát mức sống dân cư năm 2016 – 2021

Hình 04: Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều của Chính phủ giai đoạn (2016-2021)

5. Một số thách thức lớn trong quá trình hoàn thiện nền kinh tế thị trường ở Việt Nam

5.1 Thách thức trong xác định nội hàm nền kinh tế thị trường ở Việt Nam

Quá trình đổi mới nhận thức về kinh tế thị trường định hướng XHCN diễn ra chậm, nhất là nhận thức về bản chất và nguyên tắc vận hành của kinh tế thị trường định hướng XHCN, nên đã tạo ra sự thiếu đồng bộ, thiếu nhất quán và những bất cập trong quá trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường; do vậy, chưa huy động được tối đa tiềm lực để phát triển kinh tế. Mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội chưa được xử lý phù hợp, rõ ràng, minh bạch (Đặng Quang Định, 2021).

Mối quan hệ giữa “phát triển kinh tế thị trường” và “định hướng XHCN” chưa được giải quyết tốt, đặc biệt “tính XHCN” dường như đang bị bào mòn khi chủ trương “xã hội hóa” bị lạm dụng ở nhiều lĩnh vực, đặc biệt trong lĩnh vực y tế, giáo dục. Điều này đặt ra thách thức phải làm rõ nội hàm và giải quyết tốt mối quan hệ giữa phát triển kinh tế thị trường và tính định hướng XHCN.

5.2 Thách thức trong giải quyết mối quan hệ giữa nhà nước và thị trường

Việt Nam hiện nay vẫn đang phải đối mặt với nhiều thách thức đặt ra trong xử lý mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội. Nhà nước vẫn còn can thiệp, tham gia trực tiếp vào thị trường khá lớn, thể hiện rào cản “phi thị trường” (các loại giấy phép) vẫn tồn tại khá phổ biến: Mặc dù khung pháp luật kinh tế đã được hoàn thiện, hàng loạt những rào cản “phi thị trường” đã được gỡ bỏ nhưng đến nay vẫn tồn tại khá nhiều, thể hiện dưới các hình thức điều kiện kinh doanh, tiêu chuẩn kỹ thuật.

5.3 Thách thức về vấn đề sở hữu, quyền tài sản

Hệ thống quyền tài sản minh bạch và hoàn chỉnh là một trong những điều kiện tiên quyết để vận hành kinh tế thị trường, tạo động lực để các tài sản trong nền kinh tế được giao dịch, khai thác, sử dụng có hiệu quả hơn, góp phần nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh chung của nền kinh tế. Tuy nhiên, hệ thống quyền sở hữu, quyền tài sản còn nhiều vấn đề.

Quyền tài sản đối với tài sản công: Xác định quyền tài sản đối với tài sản công, đặc biệt các tài sản công có quy mô, giá trị và tầm ảnh hưởng lớn đến đời sống kinh tế - xã hội như đất đai, tài nguyên, khoáng sản còn nhiều thách thức. Ví dụ như đối với tài nguyên khoáng sản, thể chế thực hiện quyền tài sản chưa hoàn thiện, chưa được xác lập theo nguyên tắc thị trường; việc phân định các quyền chiếm hữu, sử dụng (và cả định đoạt) cũng như trách nhiệm của các bên có liên quan chưa đủ rõ nên không chỉ dẫn tới lãng phí nguồn lực, mà còn dẫn đến sự cạnh tranh không lành mạnh, cản trở khu vực tư nhân phát triển, gây méo mó thị trường.

5.4 Thách thức trong phát triển của các thị trường nền tảng

Đối với thị trường đất đai: Trong các thị trường yếu tố sản xuất thì thị trường đất đai là một thị trường gây nhiều bức xúc trong xã hội nhất, làm xuất hiện nhiều các vụ tham nhũng nổi cộm. Chính vì vậy, việc hoàn thiện thị trường đất đai là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất để không những thúc đẩy nền kinh tế phát triển một cách lành mạnh mà còn giải quyết được bức xúc trong xã hội đồng thời tác động mạnh đến quá trình chống tham nhũng, tiêu cực về đất đai.

Đối với thị trường lao động: Sự tăng trưởng và phát triển thị trường lao động không đồng đều giữa các vùng: Kết quả phát triển kinh tế chưa mang lại lợi ích công bằng về việc làm cho các vùng, các nhóm xã hội, đặc biệt là nông dân, các vùng kém phát triển, vùng dân tộc thiểu số.

Đối với thị trường tài chính: Nhìn vào thực tế cho thấy, phát triển thị trường tài chính vẫn phải đối mặt với thách thức phát triển thiếu cân đối. Nguồn cung ứng vốn cho nền kinh tế vẫn phụ thuộc lớn vào hệ thống ngân hàng và chưa huy động được nguồn vốn trung và dài hạn đáp ứng nhu cầu cho đầu tư phát triển. Thiếu các định chế tài chính vi mô để phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn.

5.5 Thách thức trong cải cách doanh nghiệp nhà nước và phát triển các khu vực ngoài nhà nước

Quan điểm và định vị vai trò, sứ mệnh của kinh tế nhà nước và doanh nghiệp nhà nước trong nền kinh tế tạo ra những thách thức trong cải cách doanh nghiệp nhà nước. Việc xác định và chưa làm rõ nội hàm, bản chất của quan điểm “kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế” và “doanh nghiệp nhà nước là lực lượng vật chất chủ yếu để thực hiện vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước” có thể làm chậm quá trình cải cách doanh nghiệp nhà nước”.

Khu vực kinh tế nhà nước và doanh nghiệp nhà nước chưa thực sự vận hành đầy đủ theo cơ chế thị trường, hiệu quả phân bổ và sử dụng các nguồn lực của kinh tế nhà nước và doanh nghiệp nhà nước thấp và toàn bộ nền kinh tế Việt Nam cũng khó đáp ứng được yêu cầu của một nền kinh tế thị trường đầy đủ, hiện đại và hội nhập như mong muốn. Cải cách doanh nghiệp nhà nước sẽ ngày càng khó khăn hơn, đặc biệt cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước khi đối tượng thực hiện cổ phần hóa có quy mô lớn, tình hình tài chính phức tạp.

Thách thức trong cải cách doanh nghiệp tư nhân: Niềm tin của khu vực kinh tế tư nhân ở năng lực của bản thân, ở môi trường kinh doanh và sự bảo vệ của pháp luật là một thách thức. Tình trạng “không muốn lớn” và không muốn chính thức hóa hoạt động kinh doanh của số đông hộ kinh doanh, doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa phản ánh niềm tin kinh doanh còn thấp và bấp bênh ở Việt Nam. Cơ cấu khu vực kinh tế tư nhân chưa hợp lý.

Thách thức trong phát triển kinh tế tập thể: Trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế sang nền kinh tế thị trường đầy đủ, hiện đại, hội nhập thì phát triển kinh tế tập thể là xu hướng tất yếu. Tuy nhiên, với đặc thù kinh tế hộ gia đình nhỏ, lẻ, manh mún, sản xuất hàng hóa phi tiêu chuẩn sẽ rất khó khăn cho kinh tế tập thể cạnh tranh để tồn tại và phát triển, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

Thách thức trong phát triển khu vực có vốn đầu tư nước ngoài: Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài phát triển chưa như mong muốn. Mục tiêu thu hút công nghệ cao, công nghệ nguồn và chuyên giao công nghệ thông qua thu hút FDI chưa đạt kết quả mong muốn, chuyên giao công nghệ và hiệu quả chuyển giao công nghệ từ doanh nghiệp FDI tại Việt Nam còn thấp (6).

5.6 Thách thức từ các vấn đề xã hội và môi trường

Thách thức trong giải quyết các vấn đề xã hội: Nhiều vấn đề xã hội phát sinh và biểu hiện rõ, đặc biệt vấn đề phân hóa giàu nghèo. Lao động di cư từ nông thôn ra thành thị, giữa các thành thị, từ thành thị về nông thôn và các khu kinh tế, khu công nghiệp là xu hướng tất yếu trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

Thách thức trong giải quyết các vấn đề môi trường, sinh thái: Trong quá trình thúc đẩy tăng trưởng, chuyển đổi mô hình phát triển và các ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, cũng như nhiều nước trên thế giới, Việt Nam cũng đang đối mặt với tình trạng cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường lớn. Tăng trưởng kinh tế, thu hút đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh, đô thị hóa, dân số tăng, v.v. đang đặt ra những thách thức ngày càng lớn về quản lý chất thải và xử lý ô nhiễm môi trường.

6. Kết luận & Gợi ý

Kinh tế thị trường định hướng XHCN là mô hình phát triển tổng quát của nền kinh tế Việt Nam. Thực tế, nền kinh tế thị trường định hướng XHCN là khái niệm chưa có tiền lệ, cả về mặt lý luận và lẫn trong thực tiễn. Mô hình nền kinh tế thị trường định hướng XHCN là mô hình mới trong lịch sử phát triển các mô hình kinh tế thị trường, được hình thành và phát triển trên cơ sở nghiên cứu, đúc rút từ lý luận và thực tiễn phát triển các mô hình kinh tế thị trường trên thế giới và yêu cầu thực tiễn phát triển.

Một là, tiếp tục đổi mới tư duy, định hình rõ hơn mô hình nền kinh tế thị trường ở Việt Nam để đảm bảo tính định hướng XHCN, Nhà nước cần thực hiện nhiều hơn và tốt hơn các chức năng xã hội như tạo nhiều hơn cơ hội phát triển cho người dân; đảm bảo công bằng hơn cho tiếp cận cơ hội phát triển, nhất là đối với nhóm người yếu thế trong xã hội; thực hiện chiến lược tăng trưởng bao trùm, toàn diện, chia sẻ công bằng lợi ích phát triển cho các nhóm dân cư, các vùng kinh tế; đầu tư phát triển vào các vùng, lĩnh vực mà kinh tế tư nhân không làm, hoặc không làm được.

Hai là, tập trung giải quyết tốt mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, ba trụ cột (Nhà nước, thị trường và các tổ chức xã hội) cần thực hiện hợp lý vai trò và chức năng của mình, kết hợp và bổ sung cho nhau.

Ba là, tập trung cải cách sở hữu, phát triển các lực lượng sản xuất, tập trung cải cách sở hữu, nhất là sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước và sở hữu đất đai. Cần phát triển các lực lượng sản xuất, nâng cấp thị trường. Khu vực doanh nghiệp nhà nước cần được đặt vào vị thế bình đẳng, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh với kinh tế tư nhân và FDI để cùng nhau phát triển.

Bốn là, tập trung phát triển các thị trường nền. Để thị trường thực sự đóng vai trò quyết định trong xác định giá cả hàng hóa, dịch vụ; trong huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, trọng tâm trong thời gian tới là tháo gỡ những hạn chế, khó khăn, thách thức của từng loại thị trường để thúc đẩy các thị trường này phát triển đó là: Thị trường tài chính; thị trường đất đai; thị trường lao động, khoa học công nghệ, thị trường hàng hóa dịch vụ....

Năm là, đảm bảo cạnh tranh công bằng và có trật tự, cạnh tranh là quy luật cơ bản của kinh tế thị trường, quy mô và mức độ cạnh tranh là chỉ số cơ bản đánh giá mức độ phát triển, tính hiện đại và hội nhập của nền kinh tế thị trường. Loại bỏ những quy định, những rào cản bất hợp lý hạn chế gia nhập thị trường, tiếp cận thị trường để tăng mức độ cạnh tranh thị trường. Điều chỉnh cấu trúc thị trường để thiết lập môi trường cạnh tranh.

Sáu là, đảm bảo các vấn đề về an sinh xã hội và môi trường, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN phải bảo đảm bình đẳng về cơ hội cho tất cả mọi người; hỗ trợ, nâng đỡ nhóm xã hội yếu thế để nâng cao năng lực của họ, giúp họ tiếp cận được tốt hơn các cơ hội như những người khác.

Lời cảm ơn

Bài nghiên cứu “Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, những thách thức mới và khuyến nghị (trong giai đoạn tới 2030, tầm nhìn đến 2045)” được hoàn thành với sự hỗ trợ, giúp đỡ của nhiều cá nhân và tổ chức. Nhóm tác giả xin chân thành cảm ơn các chuyên gia, các đồng nghiệp đã tham gia thực hiện, xây dựng và hoàn thiện bài viết này.

Tài liệu tham khảo

Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Ngân hàng Thế giới (2016). *Việt Nam 2035: Hướng tới Thịnh vượng, Sáng tạo, Công bằng và Dân chủ*. Nhà xuất bản Hồng Đức, Hà Nội.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2021a). *Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021-2025*, (Tài liệu phục vụ phiên họp toàn thể Ủy ban Kinh tế Quốc hội khóa XV ngày 29/9/2021).

CIEM-GIZ (2008). *Nền kinh tế thị trường xã hội và sinh thái - Một mô hình cho sự phát triển của châu Á?*. Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội.

Đảng Cộng sản Việt Nam (2017). *Nghị quyết số 11-NQ/TW, Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN*.

Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập I*. NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

Đặng Quang Định (2021). *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*. Nguồn: <http://www.tapchicongsan.org.vn>.

Hội đồng thư vấn cải cách thủ tục hành chính Chính Phủ (2021). *Báo cáo Năng lực cạnh tranh của Việt Nam từ đánh giá của nhà đầu tư nước ngoài và Báo cáo năng lực cạnh tranh toàn cầu 4.0 của Diễn đàn Kinh tế thế giới*, 7-10.

Nguyễn Thị Luyến (2022). *Nâng cao năng lực của khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam trong giai đoạn tới*. *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, số 1 tháng 01/2022 (791).